|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  **TRƯỜNG PTDTBT TH MƯỜNG LUÂN**  Số: 40/BC-PTDTBTTHML | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Mường Luân, ngày 16 tháng 10 năm 2023* |

# BÁO CÁO

**Về việc thi hành pháp luật về dạy học hai buổi trên ngày, dạy thêm, học thêm; chế độ chính sách hỗ trợ người học từ nguồn ngân sách nhà nước cấp; quản lý sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách và thi hành pháp luật về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục**

**Kính gửi:** Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Đông

Thực hiện Quyết định số 1181 /QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Sở GDĐT. Về việc thành lập Đoàn kiểm tra thi hành pháp luật về dạy học hai buổi trên ngày; dạy thêm, học thêm; chế độ chính sách hỗ trợ người học từ nguồn ngân sách nhà nước cấp; quản lý sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách và thi hành pháp luật về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Tiếp theo công văn số 973/PGDĐT-CM ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Đông. V/v chuẩn bị báo cáo phục vụ đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về dạy học hai buổi trên ngày; dạy thêm, học thêm; chế độ chính sách của người học; quản lý sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách và thi hành pháp luật về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục;

Trường PTDBT Tiểu học Mường Luân báo cáo như sau:

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Xã Mường Luân là một xã khó khăn của huyện Điện Biên Đông, phía Đông giáp xã Chiềng Sơ, phía Tây giáp xã Háng Lìa, phía Nam giáp xã Luân Giói, phía Bắc giáp xã Phì Nhừ. Địa hình phức tạp gồm đồi núi cao và thung lũng với độ dốc lớn, nhiều sông suối, cách trung tâm huyện 30 km về phía Tây Bắc, giao thông liên huyện, liên xã đi lại còn xa xôi.

Xã Mường Luân với tổng diện tích tự nhiên là 6.116,8 ha, toàn xã có 13 bản với 1081 hộ = 4527 nhân khẩu (trong đó số hộ thường trú trong xã là 1032 hộ = 4404 khẩu, số hộ tạm trú là 49 hộ = 123 khẩu), có 4 dân tộc gồm dân tộc Thái, dân tộc Lào, dân tộc Khơ Mú, Kinh và một số ít là dân tộc khác sinh sống đoàn kết với nhau; Nam: 2.297 người, Nữ: 2230 người. Tổng nhân khẩu từ 14 tuổi trở lên: 3.827 (thường trú 3717 người, tạm trú 110 người)

Xã Mường Luân gồm 4 đơn vị trường học: Trường Mầm Non Pá Vạt, trường PTBT- TH và THCS Mường Luân, trường PTDTBT- Tiểu học Mường Luân và trường THPT Mường Luân. Trường PTDTBT-Tiểu học Mường Luân được thành lập theo Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND huyện Điện Biên Đông từ ngày 21/12/2020. Những năm đầu trước khi mới thành lập trường, nhà trường gặp rất nhiều khó khăn, CSVC khuân viên phải chung với trường THPT Mường Luân đến năm 2016, nhà ở, lớp học, các trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học vừa thiếu vừa yếu. Nhưng với quyết tâm cao của Ban giám hiệu nhà trường, của Đảng uỷ, chính quyền địa phương xã Mường Luân. Sự đồng thuận của Ban giám hiệu và tập thể sư phạm nhà trường, sự ủng hộ của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và các tầng lớp nhân dân, công tác xã hội hoá giáo dục được đẩy mạnh để xây dựng trường lớp. Phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống phát triển giáo dục, Đảng bộ và Chính quyền địa phương với sự tham mưu của BGH trường PTDTBT- Tiểu học Mường Luân  đã khắc phục mọi khó khăn xây dựng nhà trường ngày càng lớn mạnh.

Từ những năm học trước, trường PTDTBT- Tiểu học Mường Luân có 01 điểm trường chính và 04 điểm trường lẻ, điểm trường lẻ cách xa trường chính khoảng 6-7 km. Nhưng đến năm học 2020- 2021 đã xóa bỏ các điểm trường lẻ, 100% học sinh ở các điểm trường lẻ tập trung về điểm chính học tập và ăn nghỉ bán trú.

Nhà trường có đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trẻ khỏe, có trình độ năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Đến tháng 11/2021 theo Quyết định số: 3063/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 trường PTDTBT-Tiểu học Mường Luân được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người.

Các chế độ chính sách của Đảng và nhà nước được quan tâm triển khai đồng bộ, kịp thời cho học sinh.

**1.1 Thuận lợi**

- Các chương trình: Đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo...tiếp tục được các cấp, các ngành huyện, tỉnh quan tâm, triển khai thực hiện và đạt mục tiêu kế hoạch đề ra; cơ sở hạ tầng và nhiều công trình phúc lợi khác tiếp tục được quan tâm đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa phục vụ đời sống nhân dân.

- Nhà trường đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đến công tác Giáo dục, đã có nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ cho người dạy và người học. Chế độ trợ cấp gạo, trợ cấp kinh theo nghị định 116/2016/NĐ-CP để sinh hoạt cho học sinh bán trú; Nghị định 81/NĐ-CP về hỗ trợ chi phí học tập.

- Luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, kịp thời của UBND huyện và Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên Đông.

- Sự quan tâm tạo điều kiện của Đảng ủy, HĐND-UBND xã trong việc huy động sĩ số học sinh.

- Đội ngũ giáo viên tương đối trẻ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác giảng dạy và thương yêu học sinh. Có trình độ chuyên môn khá vững vàng.

- Cơ sở vật chất: Trang thiết bị dạy học tương đối đảm bảo, tất cả các em học sinh đều có đủ sách giáo khoa, đồ dùng học tập và vở viết theo quy định.

- Tỷ lệ CBQL và GV tham gia học tập bồi dưỡng thường xuyên đạt 100%

**1.2. Khó khăn**

Điều kiện kinh tế của người dân trên địa bàn còn rất nhiều khó khăn:

- Số hộ gia đình nghèo, cận nghèo chiếm tỉ lệ hơn 18,1%.

Dân cư sống không tập trung, các bản ở cách xa nhau. Đa số chưa có mạng Internet, Wifi chủ yếu là sử dụng sóng 3G, 4G. Trình độ nhận thức của người dân còn hạn chế. Vì thế việc tiếp cận công nghệ thông tin hết sức khó khăn.

- Hệ thống các phòng học còn 2 phòng học là nhà ba cứng, phòng làm việc, phòng ngủ học sinh nội trú còn 02 phòng là nhà ba cứng. Tỷ lệ giáo viên Tiếng Anh không đáp ứng đủ nhu cầu học tập theo quy định (Chưa bố trí GV dạy tiếng Anh khối 1, 2, 5)

- PHHS chưa có sự đầu tư cho con em mình trong công tác Giáo dục. Còn phó mặc việc học tập của con em mình cho nhà trường.

- Một số giáo viên còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, tuy đã được chuẩn hóa về trình độ nhưng năng lực chuyên môn hạn chế nên ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng dạy và học.

- Đầu vào lớp 1 chất lượng còn hạn chế, Còn một số em chưa biết nói và giao tiếp bằng tiếng phổ thông mặc dù các em đó được học qua lớp mẫu giáo.

- CSVC của nhà trường còn thiếu nhiều các loại phòng chức năng

- Đội ngũ già làng trưởng bản chưa thực sự quan tâm đến công tác giáo dục

nên việc huy động HS còn gặp nhiều khó khăn.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023-2024**

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số**  **lớp** | **Số HS** | **Nữ** | **DT** | **Nữ DT** | **Bán trú** | **Hoàn cảnh KK** | **Học tiếng Anh (2 tiết/tuần** | **Học tiếng Anh (4 tiết/tuần** | **Tin học** | **Học 9 buổi/**  **Tuần** |
| **1** | 3 | 78 | 43 | 68 | 37 | 49 | 7 | 0 |  |  | 78 |
| **2** | 2 | 68 | 26 | 61 | 24 | 36 | 7 | 0 |  |  | 68 |
| **3** | 2 | 61 | 31 | 54 | 28 | 39 | 12 | 0 | 61 | 61 | 61 |
| **4** | 2 | 48 | 22 | 43 | 20 | 32 | 10 | 0 | 48 | 48 | 48 |
| **5** | 2 | 54 | 23 | 50 | 22 | 32 | 15 | 0 | 0 | 54 | 54 |
| **Cộng** | **11** | **309** | **145** | **276** | **131** | **188** | **51** | **0** | **109** | **163** | **309** |

- Toàn trường có 06 học sinh khuyết tật tham gia học hòa nhập.

- Tỉ lệ học sinh ra lớp đạt 100%

2.2 Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý.

**\*Tình hình Cán bộ, giáo viên, nhân viên**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đội ngũ** | **Tổng số** | | **Đảng** | | **Công đoàn** | | **Chi đoàn** | | **Biên chế** | | **GV dạy lớp** | **GV dạy bộ môn** | **GV làm công tác khác** |
| **SL** | **Nữ** | **SL** | **Nữ** | **SL** | **Nữ** | **SL** | **Nữ** | **BC** | **HĐ** |
| BGH | 2 | 0 | 2 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| GV | 16 | 7 | 10 | 04 | 16 | 7 | 5 | 2 | 16 | 0 | 16 | 4 | 0 |
| NV | 2 | 1 | 0 | 0 | 2 | 1 | 7 | 1 | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Cộng** | **20** | **8** | **12** | **04** | **20** | **8** | **7** | **3** | **20** | **0** | **16** | **4** | **0** |

**Tổng số giáo viên: 16 giáo viên. Tỷ lệ giáo viên trên lớp đạt 1,45 GV/lớp.**

\*Trình độ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đội ngũ** | **Chưa đạt (C)** | | **Trung cấp** | | **Cao đẳng** | | **Đại học** | | **Thạc sĩ** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| BGH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 10,0 | 0 | 0 |
| GV | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 16 | 80,0 | 0 | 0 |
| NV | 0 | 0 | 1 | 50,0 | 0 | 0 | 1 | 10,0 | 0 | 0 |
| **Cộng** | **0** | **0** | **1** | **2,3** | **0** | **0** | **19** | **100,0** | **0** | **0** |

**II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA THEO CÁC NỘI DUNG**

**1. Thực hiện quy định về Việc chấp hành pháp luật về dạy học hai buổi trên ngày, không dạy thêm, học thêm; các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm trong các cơ sở giáo dục**

- Kết quả thực hiện Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Quy định về dạy thêm;

- Việc dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp Tiểu học; Trường đang thực hiện dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần).

- Việc thực hiện các tiết tăng thêm, ngoại khóa, trải nghiệm …..

# 2. Việc chấp hành pháp luật về thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người học từ ngân sách nhà nước cấp; huy động, quản lý sử dụng các khoản thu hỗ trợ ngoài ngân sách.

a.Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh từ nguồn ngân sách nhà nước cấp.

Từ đầu năm học nhà trường đã phổ biến văn bản 802/CV-PGDĐT ngày 31/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh năm học 2023-2024.

- Nhà trường thực hiện Chế độ trợ cấp gạo, trợ cấp kinh theo nghị định 116/2016/NĐ-CP để sinh hoạt cho học sinh bán trú với 188 học sinh.

- Thực hiện chế độ chi phí học tập, miễn giảm học phí theo nghị định 81/2021/NĐ-CP đối với 301 học sinh.

- Thực hiện chế độ học sinh khuyết tật theo Thông tư 42/2013/TTLT-BLĐTB-XH- BGD ĐT-BTC đối với 4 học sinh.

- Quy trình xét duyệt thẩm định đối tượng hưởng chính sách, nhà trường thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Trong quá trình thực hiện đã tuyên truyền, hướng dẫn và giải đáp thắc mắc các thủ tục, mức hỗ trợ của các chế độ cho phụ huynh học sinh.

- Đã chi trả đúng, đủ và kịp thời các loại chế độ liên quan đến học sinh

*ĐVT: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm học 2022-2023** | | | | | **HKI Năm học 2023-2024** | | |
| **Từ tháng 9-12/2022** | | **Từ tháng 1-5/2023** | | **Tổng kinh phí đã chi trả** | **Từ tháng 9-12/2023** | | |
| **Đối tượng** | **kinh phí đã chi trả** | **Đối tượng** | **kinh phí đã chi trả** | **Đối tượng** | **Nhu cầu kinh phí** | **kinh phí đã chi trả** |
|  | **Tổng cộng** |  | **641,71** |  | **804,38** | **1.446,09** |  | **809,78** | **0,00** |
| **I** | **Nghị định 116/2016/NĐ-CP** | **172** | **463,18** | **172** | **575,75** | **1.038,93** | **188,00** | **604,14** | **0,00** |
| 1 | Hỗ trợ tiền ăn | 172 | 410,05 | 172 | 512,56 | 922,61 | 188 | 541,44 |  |
| 2 | Hỗ trợ DCTT,Tủ thuốc |  | 12,90 |  | 12,90 | 25,80 |  | 14,10 |  |
| 3 | Hỗ trợ tiền nhà ở |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Hỗ trợ gạo (Kg) | 172 | 10.320 | 172 | 12.900 | 23.220 | 188 | 11.280 |  |
| 5 | Hỗ trợ nhân viên nấu ăn |  | 40,23 |  | 50,29 | 90,52 |  | 48,60 |  |
| **II** | **Nghị định 81/2021.NĐ-CP** | **280** | **168,00** | **279** | **209,25** | **377,25** | **301** | **180,60** | **0,00** |
| 1 | Hỗ trợ CPHT | 280 | 168,00 | 279 | 209,25 | 377,25 | 301 | 180,60 |  |
| 2 | Cấp bù, miễn, giảm học phí |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Thông tư 42/2013/TTLT-BLĐTB-XH- BGD ĐT-BTC** | **2** | **10,54** | **3** | **19,38** | **29,92** | **4** | **25,04** | **0,00** |
| 1 | Hỗ trợ học bổng | 2 | 9,54 | 3 | 17,88 | 27,42 | 4 | 23,04 |  |
| 2 | Hỗ trợ tiền phương tiện, đồ dùng HT | 2 | 1,00 | 3 | 1,50 | 2,50 | 4 | 2,00 |  |

b. Huy động và quản lý các nguồn thu hỗ trợ từ nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước cấp.

- Việc triển khai thực hiện văn bản số 2056/SGDĐT-KHTC Ngày 22/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2023-2024.

- Các khoản thu dịch vụ công theo quy định.

+ Học phí: Mức học phí năm học 2022-2023, 2023-2024; cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo:

Năm học: 2022-2023:

Nhà trường không triển khai thu.

+ Trông giữ xe đạp, xe máy: Không

+ Dạy thêm học thêm, dạy học ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm : Không

+ Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên: Không.

- Nhà trường triển khai tới PHHS tham gia mua bảo hiểm của công ty Bảo việt Điện Biên cho 100% học sinh Bán trú tham gia: **172** học sinh.

Năm học 2023-2024:

Nhà trường không triển khai thu.

+ Trông giữ xe đạp, xe máy: Không

+ Dạy thêm học thêm, dạy học ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm : Không

+ Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên: Không.

- Nhà trường triển khai tới PHHS tham gia mua bảo hiểm của công ty Bảo việt Điện Biên cho 100% học sinh Bán trú tham gia: **188** học sinh.

- Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 của HĐND tỉnh ban hành Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên: Khảo sát, xây dựng giá dịch vụ theo nguyên tắc thu đủ chi phí trực tiếp, không lợi nhuận; thỏa thuận phải được cụ thể hóa bằng văn bản và có đủ chữ ký đồng thuận của từng cha mẹ học sinh; quy định quản lý thu, chi trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Có đầy đủ.

* Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha, mẹ học sinh: Kết quả thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011.

+ Năm học 2022-2023: Không

+ Năm học 2023-2024: Trong buổi họp phụ huynh học sinh trường vào ngày 29/9/2023 do Ban ĐDCMHS các lớp triển khai thu và hoạt động tại lớp chủ nhiệm. Trường không triển khai kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha, mẹ học sinh cấp trường.

- Các loại bảo hiểm tự nguyện: Không

- Các khoản vận động xã hội hóa giáo dục: Kết quả quy trình thực hiện vận động xã hội hóa giáo dục theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nhà trường đã họp phụ huynh lấy ý kiến của PHHS và làm tờ trình được của UBND xã Mường Luân nhất trí phê duyệt theo kế hoạch vận động.

# 2. Việc tổ chức bếp ăn nội trú, bán trú trong các cơ sở giáo dục

# - Nhà trường thực hiện triển khai đến học sinh, cha mẹ học sinh và toàn thể viên chức và người lao động về việc thực hiện nhiệm vụ tổ chức công tác bán trú cho học sinh ăn ở tại trường theo các văn bản hướng dẫn của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên Đông như sau:

# - Đơn xin cho con vào ăn, ở nội trú;

# - Biên bản họp Cha mẹ học sinh toàn trường;

# - Biên bản họp Cha mẹ học sinh các lớp;

# - Tờ trình xin thu các khoản thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh phục vụ các hoạt động học tập, sinh hoạt cho học sinh;

# - Quyết định thành lập Ban giám sát quy trình tổ chức bếp ăn tập thể tại các đơn vị trường học (Nhà trường tham mưu với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn);

# - Kế hoạch giám sát quy trình tổ chức bếp ăn tập thể cho học sinh bán trú (Nhà trường tham mưu cho Trưởng ban);

# - Quyết định thành lập Ban quản trị đời sống cho học sinh bán trú;

# - Kế hoạch hoạt động của Ban quản trị đời sống cho học sinh bán trú;

# - Quyết định thành lập Ban kiểm tra, chăm sóc sức khỏe học sinh;

# - Quyết định thành lập Ban quản lý học sinh bán trú;

# - Quyết địnhthành lập Tổ nhập - Xuất thực phẩm;

# - Quyết định thành lập Tổ nấu ăn cho học sinh bán trú;

# - Quyết định thành lập Ban mua lương thực, thực phẩm, nhiên liệu nấu ăn cho học sinh bán trú;

# - Thư mời nhà cung cấp báo giá;

# - Báo giá của các nhà cung cấp

# - Phân tích báo giá;

# - Biên bản xét chọn đơn vị cung cấp lương thực, thực phẩm, nhiên luệ nấu ăn cho học sinh Bán trú.

# - Sổ theo doi học sinh ăn hàng ngày;

# - Sổ chấm cơm;

# - Sổ lưu mẫu thức ăn;

# + Kiểm thưc 3 bước;

# - Sổ kiểm tra trước khi chế biến thức ăn đối với thực phẩm tươi sống, đông lạnh;

# - Sổ kiểm tra trước khi ăn;

# - Sổ kiểm tra trước khi chế biến thức ăn;

# + Báo giá của Phòng Tài chính huyện;

# + Thực đơn nấu ăn (theo tháng);

# + Bảng công khai định mức, khẩu phần ăn theo thực đơn;

# + Phiếu giáo, nhập thực phẩm;

# + Phiếu nhập kho;

# +Phiếu xuất kho;

# + Hợp đồng cung ứng thực phẩm từng tháng.

# 3. Tổ chức Thực hiện công khai công khai đối với cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ GDĐT.

# a). Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

# b). Kết quả triển khai thực hiện: Nhà trường thực hiện công khai trên hệ thống trang thông tin điện tử Website của trường.

# Nội dung công khai:

# + Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế: Có

# + Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: Có

# + Công khai thu chi tài chính: Có

# - Hình thức và thời điểm công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT: Tháng 8/2023.

**III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận:**

a). Đánh giá ưu điểm:

Nhà trường thường xuyên triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản của các cấp, các ngành đến cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường, đến học sinh và phụ huynh thông qua các hình thức: Hồ sơ công việc, Zalo nhóm của trường, Họp hội đồng trường hàng tháng, họp chuyên môn trường, Họp phụ huynh đầu năm, Chào cờ đầu tuần, các hội thi, các buổi truyền thông tại đơn vị,...

Đối với chế độ của học sinh, ngay từ đầu năm học, Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận kế toán yêu cầu Giáo viên chủ nhiệm các lớp rà soát các đối tượng học sinh đủ điều kiện được hưởng chế độ Bán trú (Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ), CPHT (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021), Khuyết tật (Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013).

Tuyên truyền đến phụ huynh học sinh có con em thuộc diện được hỗ trợ các chế độ tại buổi họp phụ huynh đầu năm. Nêu rõ quyền lợi và trách nhiệm của mỗi học sinh khi được hưởng chính sách hỗ trợ. Bộ phận kế toán kết hợp với giáo viên chủ nhiệm các lớp phổ biến, hướng dẫn đến phụ huynh có con em đủ điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ làm đơn đề nghị hỗ trợ, chỉ thu những học sinh mới phát sinh.

Sau khi nhận được các văn bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện các chế độ chính sách đối với học sinh. Nhà trường đã triển khai văn bản của Phòng đến giáo viên chủ nhiệm các khối lớp để thông báo kịp thời đến phụ huynh học sinh nắm bắt được các trình tự thủ tục và hồ sơ xét duyệt các chế độ trong năm học như sau:

Nhà trường xây dựng Kế hoạch trình Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hàng năm;

Tham mưu với UBND xã ra Quyết định thành lập các hội đồng xét duyệt;

Tiến hành thu hồ sơ xét duyệt;

Tổ chức xét duyệt theo đúng thành phần và thời gian quy định;

Tổng hợp trình UBND xã xác nhận;

Xét duyệt tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện theo đúng kế hoạch.

b) Đánh giá hạn chế:

Việc cấp phát gạo cho học sinh theo Nghị định số Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18/7/2016 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn đôi lúc còn chưa kịp thời ảnh hưởng đến công tác nấu ăn bán trú tại đơn vị.

Việc tham gia họp phụ huynh đầu năm của một bộ phận nhỏ phụ huynh học sinh còn chưa được quan tâm đúng mức.

Nhà trường phải gửi cam kết họp phụ huynh đến gia đình để phụ huynh ký xác nhận (những phụ huynh nghỉ họp phụ huynh đầu năm).

**2. Kiến nghị**

- UBND cấp huyện:

Đề nghị UBND huyện kiến nghị với Sở Tài chính và các cấp có thẩm quyền hàng năm phân bổ kinh phí kịp thời các chế độ của học sinh và chế độ gạo cho các đơn vị trường kịp thời vào mỗi đầu năm học và sau Tết nguyên đán.

Trên đây là Báo cáo về việc chuẩn bị báo cáo phục vụ đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về dạy học hai buổi trên ngày; dạy thêm, học thêm; chế độ chính sách của người học; quản lý sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách và thi hành pháp luật về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục về chế độ chính sách của Trường PTDTBT-TH Mường Luân./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Đoàn thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo;  - Phòng Giáo dục và Đào tạo: để (b/c);  - Lưu: VT. | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  **Đinh Quang Vinh** |